

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 800/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1279/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2848/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Như H - sinh ngày 20/7/1991

Căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/5/2022

Thường trú: số D Tổ A, Khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai

(có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Lương Thành T - sinh ngày 14/10/1992

Căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/6/2022

Thường trú: số A Đường A, phường T (trước ngày 01/7/2025 là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: số S đường H (Quốc lộ Y cũ), phường L1, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Như H trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Bà H kết hôn với ông Lương Thành T vào năm 2015, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Khi bắt đầu chung sống, cuộc sống chung bình thường cho đến khi các con chung lần lượt ra đời thì phát sinh mâu thuẫn, ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, không cùng bà H chăm sóc dạy dỗ các con. Từ năm 2021 đến nay, ông T không còn đóng góp tiền để cùng bà H nuôi dưỡng con. Ngoài ra, ông T còn phát sinh nhiều mối quan hệ ngoài hôn nhân. Bà H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Nay do không hàn gắn được mâu thuẫn, bà H đã suy nghĩ kỹ và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lương Hoàng T1 sinh ngày 27/02/2016 và Lương Thiên Đ sinh ngày 12/10/2017. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện do bà tự chủ về kinh tế và 04 năm nay bà đã tự lo liệu được cho con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ông Lương Thành T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Công an phường L thì ông Lương Thành T cư trú tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Lương Thành T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Như H và ông Lương Thành T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/5/2015. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T, trong quá trình giải quyết vụ án bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Bà H và ông T kết hôn hợp pháp, theo bà H trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, không cùng bà H chăm sóc dạy dỗ các con. Từ năm 2021 đến nay, ông T không còn đóng góp tiền để cùng bà H nuôi dưỡng con. Ngoài ra, ông T còn phát sinh nhiều mối quan hệ ngoài hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà H, ông T tại Ủy ban nhân dân phường L nhưng không được cung cấp thông tin. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không đến Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông T. Trong khi đó, bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 68 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/3/2016 cho Lương Hoàng T1 và giấy khai sinh số 284 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2017, có căn cứ xác định bà H và ông T có 02 con chung tên Lương Hoàng T1 sinh ngày 27/02/2016 và Lương Thiên Đ sinh ngày 12/10/2017.

Xét yêu cầu của bà H về việc nuôi dưỡng con chung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông T về yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà H nhưng ông T không có ý kiến. Xét hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi con và

các con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà H, nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, giao 02 con chung tên Lương Hoàng T1 sinh ngày 27/02/2016 và Lương Thiên Đ sinh ngày 12/10/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà H xác định không có.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Như H:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Như H được ly hôn với ông Lương Thành T.

1.2 Về con chung: có 02 con chung tên Lương Hoàng T1 sinh ngày 27/02/2016 và Lương Thiên Đ sinh ngày 12/10/2017.

Bà Nguyễn Như H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lương Hoàng T1 sinh ngày 27/02/2016 và Lương Thiên Đ sinh ngày 12/10/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Như H không yêu cầu ông Lương Thành T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Như H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Như H xác định không có.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Như H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Như H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000030 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Nguyễn Như H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Như H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lương Thành T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân khu vực 2 - TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện
việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Thủy

